

# Mildred B. Janson Elementary School

## Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



### Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

#### Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

#### Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)</b>	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ <a href="https://admission.universityofcalifornia.edu/">https://admission.universityofcalifornia.edu/</a> .
<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)</b>	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ <a href="https://www2.calstate.edu/">https://www2.calstate.edu/</a> .

### Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

<b>Tên Trường học</b>	Mildred B. Janson Elementary School
<b>Đường phố</b>	8628 Marshall Street
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính</b>	Rosemead, CA 91770
<b>Số điện thoại</b>	(626) 288-3150
<b>Hiệu Trường</b>	Shirley Conde
<b>Địa chỉ email</b>	sconde@rosemead.k12.ca.us
<b>Trang web của Trường</b>	www.rosemead.k12.ca.us/janson
<b>Phạm vi cấp lớp</b>	P-6
<b>Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDS)</b>	19-64931-6022180

### Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

<b>Tên Khu học chánh</b>	Rosemead School District
<b>Số điện thoại</b>	(626) 312-2900
<b>Giám Đốc Khu Học Chánh</b>	Dr. Philip D'Agostino
<b>Địa chỉ email</b>	pdagostino@rosemead.k12.ca.us
<b>Trang web của Khu học chánh</b>	www.rosemead.k12.ca.us

### Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

#### A Message from the Principal:

Mildred B. Janson Elementary School is a TK to 6th-grade school. It is one of five schools in the Rosemead Elementary School District which is located twelve miles east of downtown Los Angeles. Janson was founded in 1945 and was named a 2023 California Distinguished School for exemplary academic achievement. Only 6% of elementary schools in California attain this achievement. At Janson, everyone works together to ensure a quality education and success for all students. We continually strive to improve our program and provide our students with many academic and social opportunities.

Mildred B. Janson school is proud to be an official "Leader In Me Lighthouse School", the first to be named a Lighthouse school in California. In addition, Janson is recognized as a Legacy School, only the 2nd school in the world to reach this recognition. In November 2024, Mildred B. Janson was re-certified as a Legacy school. This means that Janson is both sustaining and innovating in the Leader In Me program. Each student and staff member understands the 8 Habits. It is the common language here on our campus. We all believe that every student is a

## Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

leader and that our job as educators is to foster and celebrate the leader in them. The hard-working staff is well-trained in the Leadership model and the 8 Habits. All staff members are dedicated to making a positive difference for all students.

Janson is proud to share that through a grant, we partner with ECELA: Engaging California English Language Learners Through the Arts. Due to this partnership with ECELA, Mildred B. Janson is able to provide professional development, coaching and opportunities to students in engaging students through the arts. In addition, with district support, Janson is able to provide a variety of partnerships with artists in residence who provide programming such as: Ukulele, Choir, Conga Kids dancing classes, scoring a story and visual art.

Mildred B Janson's school goals are:

- 1 - Language Arts: Ensuring adequate growth for all students in English Language Arts to keep students on track. Use data to provide targeted instruction, including intervention, for students in need.
- 2 - Mathematics: Using data to provide targeted instruction in mathematics, including intervention, for students in need. Ensure adequate growth for all students in mathematics.
- 3 - English Language Development: Using data to provide targeted instruction for English Language Learners. Ensure adequate growth for all students in English Language development.
- 4 - Science: Continue to provide meaningful instruction in science (aligned to the Next Generation Science Standards).
- 5 - Parental Involvement: Increase parent involvement by having parents volunteer their time at school in a variety of ways, including joining PTA, volunteering in the classroom or office, and giving input into school decisions. The ultimate goal is for parents to be involved, knowledgeable about the school's culture and vision, provided with meaningful tools to support their child(ren), happy and most importantly satisfied with the school's environment.
- 6 - Culture - Increase a positive school climate and culture where all students are problem solvers and are recognized for positive behavior (PBIS), all students will participate in our school wide PBIS and LIM ( Leader In Me).

In order to track and measure progress for our goals stated above, we use both state and local indicators which we monitor annually and throughout the school year. We measure Language Arts, Mathematics, Science and English Language Development progress with state testing. We monitor the California Dashboard results. In addition to state testing results, we use data from local indicators such as IReady test results and other local academic testing. To monitor our culture and parental involvement goals, we use multiple indicators such as the California Healthy Kids Survey and the Franklin Covey Leader In Me survey results. We also monitor attendance rates on an ongoing basis. These progress indicators are measured and tracked by: district leaders, staff, School Site Council and the English Language Learner Advisory Committee ( ELAC).

The school consists of students and staff with rich multicultural and ethnically diverse backgrounds. Of the 599 students enrolled, 68 % are Asian, 23 % are Hispanic and 3% are White. The students participate in a variety of academic support programs. 37% of the students are in the English Language Development program. Additionally, there are 29 students in the preschool program housed on our campus. Janson operates a Title 1 Schoolwide Program. 69% of the students receive free or reduced lunch.

For more information about Mildred B. Janson Elementary School, we ask that you visit us on the web at [www.rosemead.k12.ca.us/janson](http://www.rosemead.k12.ca.us/janson) and check out our social media accounts.

Thank you,  
Shirley Conde  
Principal

### A Message from the Superintendent of Schools:

Dear Members of the Rosemead School District Community,

I am pleased to share the latest School Accountability Report Cards (SARCs) for our district's schools. These report cards are a vital resource, offering detailed insights into each school's performance and the quality of education we provide. Established by state law in 1988 and reinforced by the federal Elementary and Secondary Education Act (ESEA), SARCs are designed to inform parents and the community about various aspects of our schools. They cover a wide range of topics, including demographic data, school safety, academic achievement, class sizes, teacher qualifications, curriculum details, and fiscal information.

The primary purpose of the SARC is to provide you with important information about each school so you can make meaningful comparisons between public schools, enabling informed decisions regarding your child's education. Additionally, SARCs serve as a tool for schools to report on their progress toward achieving educational goals, fostering transparency and accountability within our education system.

We are committed to ensuring that all parents and community members have easy access to these report cards. By February 1 of each year, every school in California is required by state law to publish a SARC. You can view the SARCs for our schools on the California Department of Education's Find a SARC web page. If you prefer a physical copy or require the report in a language other than English, please contact your school's administrative office, and we will be happy to accommodate your request.

We encourage you to review these report cards and engage with your school's educators to discuss any questions or insights you may have. Your involvement is crucial to our collective effort to provide the highest quality education for all students. For more information about our district, including our School Accountability Report Cards, I invite you to explore our website at <http://www.rosemead.k12.ca.us>.

Thank you for your continued support and partnership in our educational community!

## Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Sincerely,  
Philip D'Agostino, Ed.D  
Superintendent of Schools

### Giới thiệu Trường

#### Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Mẫu Giáo	83
Lớp 1	90
Lớp 2	80
Lớp 3	79
Lớp 4	81
Lớp 5	82
Lớp 6	87
Tổng tuyển sinh	582

#### Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	48.5
Nam	51.5
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.3
Người gốc Á	67.2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.2
Người gốc Philippines	2.1
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	27.7
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.5
Người Da Trắng	0.7
Người Học Tiếng Anh	40.9
Học sinh vô gia cư	1.7
Người nhập cư	0.5
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	68.9
Học sinh khuyết tật	7.4

## A. Điều kiện học tập

## Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	24.80	96.14	102.70	93.48	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.90	0.90	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.00	0.00	1.40	1.33	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.90	3.82	4.60	4.27	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>25.80</b>	<b>100.00</b>	<b>109.80</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	24.90	100.00	112.00	97.46	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.00	0.00	0.50	0.43	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.00	0.00	0.40	0.37	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.00	0.00	1.90	1.73	15831.90	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>24.90</b>	<b>100.00</b>	<b>114.90</b>	<b>100.00</b>	<b>279044.80</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	26.40	100.00	109.30	97.19	231142.40	100.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	2.10	1.92	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.00	0.00	0.90	0.88	14303.80	5.15
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>26.40</b>	<b>100.00</b>	<b>112.40</b>	<b>100.00</b>	<b>277698</b>	<b>100</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.00	0
Phân công sai	0.00	0.00	0
Vị trí trống	0.00	0.00	0
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>	<b>0</b>

## Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.00	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	0
<b>Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>	<b>0</b>

## Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Phân công sai cho Người học tiếng Anh</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	0.00	0	0
<b>Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	0.00	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

## Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

Rosemead School District sets a high priority on making high quality textbooks and materials available to support instructional programs. Rosemead School District held a public hearing and determined that textbooks, instructional materials, and science lab equipment were sufficient and of good quality at each school within the district, pursuant to the settlement of Williams vs. the State of California. All students, including English learners, are given their own standards-aligned textbooks and instructional materials in core subjects for use in the classroom and at home. All textbooks and instructional materials are aligned with the California State Content Standards and Frameworks and have been approved by the Board of Trustees. Rosemead School District follows the State Instructional Materials Adoption Cycle that reviews instructional materials in each curricular area within a six-year cycle. The chart below illustrates the textbooks currently in use at our school. All textbooks are in adequate supply and fair to excellent condition. 100% of students in each core subject area possess the necessary textbooks and instructional materials. Additional supplemental materials utilized to support students are iReady, Simple Solutions, RAZ-KIDZ, Imagine Learning, and Mystery Science.

The school's library is stocked with many books for students to check out, including books and materials in Spanish. Students visit the library on a weekly basis with their classes. The school also has a comprehensive leveled library of books for guided reading and English Language Development. Computers at the school are connected to the internet via a high speed connection so that students are able to access resources and information on-line and develop their research skills. The school is working to integrate computer skills and concepts across the curriculum. Students in grades kindergarten through six receive computer-assisted instruction on a weekly basis in our state-of-the-art computer lab. Every classroom is equipped with 1-to-1 Chromebooks. Every classroom also has iPads and iMac desktops. Software programs, including Accelerated Reader, Imagine Learning Language and Literacy and i-Ready help students to develop skills in reading, writing, math, and keyboarding.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập

October 2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Đọc/Ngữ văn	McGraw Hill Education, California Wonders 2017 (Grades K-6) Wonders ELD (Grades K-6) Adopted in 2017	Yes	0%
Toán	Houghton Mifflin Harcourt: Go Math K-5 and Go Math 6-8 Adopted in 2015 iReady Common Core Math (supplemental)	Yes	0%
Khoa Học	TCI Bring Science Alive! (Grades K-6) Adopted in 2021	Yes	0%
Lịch sử-Khoa học xã hội	TCI History Alive! (Grades K-8) Adopted in 2023	Yes	0%
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Built in 1948, with additions made in 1954 and 1997, Janson School facilities encompass 58,964 square feet. They consist of permanent classrooms, relocatable classrooms, a multipurpose room, administrative offices, and restrooms. The school recently upgraded the phone/intercom system allowing for the installation of phones and voicemail in all classrooms. A project to modernize all the kindergarten classrooms, student restrooms, and water fountains were completed in September 2006. A project to modernize the administration building and the second of three phases of a major electrical upgrade was completed in September, 2007. A branding project to improve the exterior and hallways of the school was completed in the summer of 2010. All classroom doors were painted and given a modern painted number to give all classroom doors a more modern look. Banners, street signs, and hallway signs were installed throughout the hallways along with a new school logo. During 2019 Janson replaced older Heating, Ventilation, and Air Conditioning (HVAC) units with new energy-efficient models as part of the Proposition 39 Clean Energy Jobs Act. Projects for roof replacement and repairs for 12 relocatable classrooms were made during the 2019-20 school year. In November 2021, the site underwent upgrades to the fire alarm system.

### Maintenance and Repair

Safety concerns are the number one priority of Maintenance and Operations. District maintenance supervisors are proactive and conduct inspections at school sites on a continual basis. Repairs necessary to keep the school in good repair and working order are completed in a timely manner. A computer-based work order process is used to ensure efficient service and that emergency repairs are given the highest priority. The district maintenance staff has indicated that 100% of all toilets on school grounds are in working order.

### Cleaning Process and Schedule

The district governing board has adopted cleaning standards for all schools in the district. A summary of these standards is available at the school office or at the district office. The site administration team works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school. Cleaning protocols have been updated to include more frequent cleaning of common areas (i.e. restrooms) and include disinfectant fogging of all areas.

### Deferred Maintenance Projects

Available Deferred Maintenance funds are used in conjunction with other available school facility funds to complete repairs or replacements as appropriate. The district's deferred maintenance needs are reviewed and updated annually.

The following chart displays the most recent facilities inspection.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất

November 2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			Systems Rating is 99.33% A/C in server room not working
<b>Nội thất:</b> Bề mặt nội thất	X			Interior Rating is 90% Stained ceiling tiles; Wall behind floor sink needs repair Electrical room - holes in walls and ceiling. Wall panels need to be reglued.
<b>Độ sạch sẽ:</b> Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			Cleanliness rating is 95%. Room A-15 very dirty. Restrooms used for storage - very messy.
<b>Điện</b>	X			Electrical rating is 96%. Hand dryer not working. Lights do not work. Needs light switch covers.
<b>Nhà vệ sinh/Bồn rửa:</b> Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			Restrooms/fountains rating is 92%. Drinking fountain not working. Walls in restroom peeling.
<b>An toàn:</b> An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			Safety rating is 100%
<b>Kết cấu:</b> Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			Structural rating is 100%
<b>Ngoại thất:</b> Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào	X			External rating is 92% Windows need to be replaced; Large cracks in south parking lot; Asphalt cracks; concrete on stage sinking; Windows etched. Door dragging on landing.

## Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

## B. Kết quả học tập của học sinh

### Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

#### Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

#### Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

## Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Ngữ văn Anh/Đọc viết</b> (lớp 3-8 và 11)	66	66	57	60	46	47
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và 11)	60	60	50	52	34	35

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
<b>Tất cả học sinh</b>	337	329	97.63	2.37	65.65
<b>Nữ</b>	160	159	99.38	0.62	74.84
<b>Nam</b>	177	170	96.05	3.95	57.06
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Á</b>	217	209	96.31	3.69	75.60
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Philippines</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	98	98	100.00	0.00	42.86
<b>Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da Trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	78	70	89.74	10.26	37.14
<b>Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh vô gia cư</b>	0	0	0	0	0
<b>Quân đội</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn</b>	174	169	97.13	2.87	56.21
<b>Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	30	30	100.00	0.00	6.67

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	338	337	99.70	0.30	59.94
Nữ	160	160	100.00	0.00	64.38
Nam	178	177	99.44	0.56	55.93
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	218	217	99.54	0.46	70.51
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	98	98	100.00	0.00	34.69
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	78	78	100.00	0.00	33.33
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	175	174	99.43	0.57	49.43
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	31	30	96.77	3.23	0.00

## Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Khoa Học</b> (lớp 5, 8 và trung học)	56.32	47.67	40.11	44.36	30.29	30.73

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	86	86	100.00	0.00	47.67
Nữ	36	36	100.00	0.00	58.33
Nam	50	50	100.00	0.00	40.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	60	60	100.00	0.00	51.67
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	19	19	100.00	0.00	21.05
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	0	0	0	0	0
Người Học Tiếng Anh	21	21	100.00	0.00	4.76
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	42	42	100.00	0.00	30.95
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

## B. Kết quả học tập của học sinh Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

### Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 5	97.67	98.84	98.84	98.84	98.84

## C. Mức độ gắn kết

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

### Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Parents and the community are very supportive of and involved in the education program at Janson School.

All parents are able to participate in School Site Council (SSC) and English Language Learner Advisory Committee (ELAC). Both SSC and ELAC are formal groups with elected participants who help make school decisions and monitor progress on goals. All parents are welcomed to participate.

The school community liaison ensures that information is made available to parents in the predominant home languages of English, Cantonese, Mandarin, Spanish and Vietnamese.

The PTA has made generous contributions of time and money to numerous programs and activities.

Parents are encouraged to be involved in their child's education. Parents may attend school-wide events held throughout the school year, such as: Parent Conferences, Open House, Winter Performance, Founders' Day and promotion ceremonies. Parents are kept informed of school activities through communication platforms. Janson sends out monthly newsletters and continuous Class Dojo messaging. Janson school also updates and gives information on the school's website, Back to School Night, and Open House. Parents are encouraged to attend the Principal's coffee chats, which cover a variety of topics such as: current events, budget, school programming, safety protocols, PBIS, attendance and academic support for all students.

The Leader in Me program has also provided a curriculum to host a Leader In Me Parent Night for all Janson parents. During this event, parents are educated on the 8 Habits and better understand our school's culture and vision. Janson school utilizes both in person and virtual meeting platforms, such as Zoom to support parent meetings and events.

Janson School's programs have been greatly enriched by donations from the following organizations: Wells Fargo Bank, East/West Bank, Target, In n Out, TGIF, Hilton DoubleTree Hotel, and Panda Corporation.

Please contact Principal Shirley Conde at (626) 288-3150 for information and any questions.

## Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	610	605	7	1.2
Nữ	292	290	2	0.7
Nam	318	315	5	1.6
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	405	403	2	0.5
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Philippines	12	12	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	173	171	4	2.3
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	252	251	0	0.0
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	421	418	5	1.2
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	53	52	1	1.9

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

### C. Mức độ gắn kết

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Đình chỉ</b>	0.18	0	0.49	1.08	1.76	1.11	3.17	3.6	3.28
<b>Đuổi học</b>	0	0	0	0	0	0.12	0.07	0.08	0.07

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
<b>Tất cả học sinh</b>	0.49	0.00
<b>Nữ</b>	0.68	0.00
<b>Nam</b>	0.31	0.00
<b>Phi nhị giới</b>	0.00	0.00
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0.00	0.00
<b>Người gốc Á</b>	0.49	0.00
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	0.00	0.00
<b>Người gốc Philippines</b>	0.00	0.00
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	0.58	0.00
<b>Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên</b>	0.00	0.00
<b>Người Da Trắng</b>	0.00	0.00
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	0.40	0.00
<b>Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh vô gia cư</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn</b>	0.48	0.00
<b>Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	0.00	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Janson School is a closed campus. During school hours, all entrances are secured to ensure visitors check in with the front office. All visitors must sign in and wear visitor badges during their stay. While visits by parents and community members are welcomed, anyone wishing to be

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

on campus during school hours should notify the staff ahead of time. During lunch, breaks, and before and after school, yard supervisors and teachers supervise students and monitor the campus, including the cafeteria and playgrounds, to ensure a safe and orderly environment.

The district developed the Comprehensive Safe School Plan to comply with Senate Bill 187 of 1997. The plan provides students and staff with a means of ensuring a safe and orderly learning environment. The school safety plan includes the following requirements of SB 187:

- Current status of school crime
- Child abuse reporting procedures
- Disaster procedures, routine, and emergency
- Policies related to suspension and expulsion
- Notification to teachers
- Sexual harassment policy
- Provision of a school-wide dress code
- Safe ingress and egress of pupils, parents, and school employees
- Safe and orderly school environment
- School rules and procedures

The school evaluates the plan annually and updates it as needed. The plan was last updated and reviewed with school staff in October 2024. Safety procedures, including the Safe School Plan elements, are reviewed with school and district staff throughout the school year during various safety training opportunities and emergency drills. The safety plan was approved at the SSC meeting on September 20th, 2024.

### D. Thông tin SARC khác

### Thông tin bắt buộc trong SARC

Thông tin trong phần này phải có trong SARC nhưng không được đưa vào danh sách ưu tiên của tiểu bang cho LCFF.

### Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thẻ loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
----------	---------------------------	------------------------------------	-------------------------------------	----------------------------------

### Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thẻ loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
----------	---------------------------	------------------------------------	-------------------------------------	----------------------------------

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thẻ loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
K	15	4		
1	23		4	
2	20	1	3	
3	20	3	1	
4	27		3	
5	28		3	
6	28		3	
Khác	10	1		

## Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	0

## Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục "Khác" dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	
Nhân viên xã hội	
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	2

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
<b>Trường</b>	\$8,827	\$2,297	\$6,530	\$96,559
<b>Khu học chánh</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,453	
<b>Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	-46.2	2.5
<b>Tiểu bang</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,771	\$94,129
<b>Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	-49.0	2.5

## Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

Rosemead School District receives state and federal funding for the following categorical, special education, and other support programs:

- Title I
- Title II
- Title III
- Title IV
- Local Control Funding Formula (LCFF)
- Expanded Learning Opportunities Program (ELOP)
- Special Education
- Home-to-school transportation (for Special Education)
- Instructional materials
- Instructional assistants
- After school programs
- Summer School
- Enrichment Programs
- Intervention programs and personnel
- Educational software
- Additional technology

## Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$59,171.00	\$57,839
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$83,680.00	\$90,040
Mức lương giáo viên cao nhất	\$110,209.00	\$118,647
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$132,207.00	\$144,639
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$138,165.00	\$148,270
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	NA	\$161,275
Lương giám đốc	\$244,657	\$229,986
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	32%	31%
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	6%	6%

## Phát triển Chuyên môn

### District:

Teachers, administrators, and other staff in Rosemead engage in a continuous improvement process through a variety of formats of professional development. After reviewing summative and formative data, including test scores, student, parent, and staff surveys, and outcomes related to school culture and social-emotional learning, district and site leaders along with content teams of lead teachers identify areas of districtwide focus for teacher and administrator professional development. This year, areas of focus for districtwide PD include:

- Multi-Tier System of Support (MTSS)
- Building Strong Tier I Instruction
- Engaging California English Learners through the Arts (ECELA)
- Positive Behavioral Interventions and Supports (PBIS)
- The Science of Reading - Focus on Phonemic Awareness, Phonics and Vocabulary instruction
- Implementation of eduCLIMBER - an MTSS tool for data management

### Site:

Professional learning occurs in a variety of settings. During our six professional development days, teachers attend workshops to learn instructional techniques, analyze their students' work, and collaboratively plan to implement the new methods. Teacher leaders are occasionally subbed out to attend "trainer of trainers" sessions, which they then facilitate for their peers across the district. Teachers and administrators often avail themselves of workshops and training provided by the Los Angeles County Office of Education, universities, curriculum publishers, and private education entities. Site principals provide individualized coaching and feedback on classroom teaching. Our new teachers who are eligible are encouraged to join the Beginning Teacher Support and Assistance (BTSA)/Induction program, through which they receive mentoring from experienced peers. Each August, teachers new to the district attend an orientation that introduces them to our district's key curriculum and initiatives. Both ELD/Intervention specialists and special education teachers have a professional learning session once per month to share best practices, analyze data, and align on processes and procedures related to the student groups they serve. Site principals come together weekly for data discussions, professional book groups, and collaboration and also conduct regular learning walks to provide peer feedback on site priorities.

In addition, the school has 75 minutes of professional development during two "late starts" each month and weekly grade-level collaboration time. Each grade level also meets with the school principal during Professional Learning Community (PLC) meetings twice a month. This year, areas of site focus include

- Leveraging educational technology to engage students
- Prioritizing Common Core Standards to accelerate learning and mitigate learning loss from school closures
- Best practices for supporting English learners with integrated ELD and for low performers in small group settings

Janson school has been able to continue to provide professional development in Google classroom and other Google Apps and attend Computers Using Educators conferences. Janson also continues to participate in The Leader in Me Coaching and community days and

## Phát triển Chuyên môn

iReady coaching and continues to utilize staff meeting time to provide support in areas such as Google Apps, TLIM, iReady, and intervention strategies.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	6	4	4